

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Khương
2. Ông Trần Văn Thoi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Z, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Phan Văn L thành hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được 16 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, hay đi nhậu về đánh chị nhiều lần. Năm 2013 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thanh N, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và Phan Nguyễn Ánh T, sinh ngày 12/12/2003 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu tiếp tục

nuôi cháu Ánh T, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Anh Phan Văn L đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Anh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Nguyễn Thị M; kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L. Chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị M và anh L thành hôn có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc anh L không lo làm ăn, thường hay nhậu về đánh chị M. Anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2013 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh L. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị M và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị M và anh L.

[4]. *Về con chung:* Chị M và anh L có 02 con chung Phan Thanh N, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Phan Nguyễn Ánh T, sinh ngày 12/12/2003, chị M yêu cầu nuôi và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu nuôi con của chị M là phù hợp, bởi cháu T trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị M, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị M, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là chưa phù hợp theo quy định pháp luật. Tại mục 2 phần III Công văn 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân

dân tối cao hướng dẫn:“... Tuy nhiên, căn cứ vào mức sống của nhân dân ta trong hoàn cảnh của đất nước ta hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao tạm thời hướng dẫn là mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng cho cháu T là 695.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 6, khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị M phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh L phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M. Xử cho chị M ly hôn với anh Phan Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Ánh T, sinh ngày 12/12/2003 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Phan Văn L cấp dưỡng nuôi con số tiền 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị M nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011545 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

- Buộc anh Phan Văn L nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Chị M, anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Ủy ban nhân dân xã M - T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Văn Năm